

Số: 4014 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện học tiếng Anh chuyên ngành và miễn kiểm tra tiếng Anh đầu khóa đối với sinh viên ĐHCQ chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) khóa 13 và CTĐT Đặc biệt tháng 09 năm 2025**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nghị quyết 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo;

Căn cứ thông báo số 1330/TB-ĐHNH, ngày 26/8/2025 về kế hoạch học tập dành cho tân sinh viên đại học chính quy chuẩn khóa 41, ĐHCQ chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) khóa 13, CTĐT đặc biệt Khóa 2 và chương trình ĐHCQ quốc tế cấp song bằng Khóa 7;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh giai đoạn đào tạo đại cương đối với 336 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 13 và CTĐT Đặc biệt.

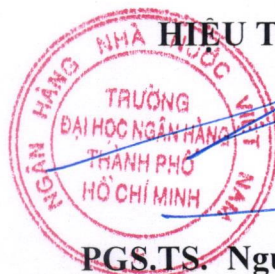
### (Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

### Nơi nhận:

- Như điều 3: đề th/ hiện;
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Phòng KT&ĐBCL, Phòng TC-KT;
- Website: đăng tin;
- Lưu: VP, Ban CLC (2b).



PGS.TS. Nguyễn Đức Trung

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BẢN PHẦN (CHẤT LƯỢNG CAO) KHÓA 13 VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT KHÓA 2 MIỄN THI TIẾNG ANH ĐẦU KHÓA - ĐẠT CHUẨN TIẾNG ANH ĐẦU VÀO NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 4014 /QĐ-ĐHNH, ngày 30 / 10 /2025 của Hiệu Trưởng)

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót     | Tên  | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                   |      |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 1   | 050713250002 | Phạm Vĩnh Khang   | An   | 20/06/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 2   | 050113250011 | Nguyễn Ngọc Hà    | An   | 08/05/2007 | HQ13-BAF14 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 3   | 050313250006 | Phan Hữu Tâm      | An   | 05/12/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 4   | 050213250002 | Vũ Bá Thiên       | Ân   | 16/01/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 5   | 050313250009 | Đặng Châu         | Anh  | 12/06/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 6   | 050213250001 | Hồ Phương         | Anh  | 20/02/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 7   | 050813250001 | Hoàng Phương      | Anh  | 17/09/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 8   | 050113250046 | Nguyễn Ngọc       | Anh  | 18/09/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 9   | 050113250072 | Phạm Đình Bảo     | Anh  | 25/11/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 10  | 050113250073 | Phạm Hoàng Vân    | Anh  | 17/05/2007 | HQ13-BAF19 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 11  | 050113250078 | Phạm Vũ Quỳnh     | Anh  | 05/02/2007 | HQ13-BAF17 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 12  | 050313250032 | Võ Ngọc Trâm      | Anh  | 24/08/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 13  | 050313250020 | Nguyễn Phương     | Anh  | 18/03/2007 | HQ13-MAG08 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 14  | 050113250019 | Đặng Nguyễn Bảo   | Anh  | 07/03/2007 | HQ13-BAF17 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 15  | 050113250038 | Ngô Phương        | Anh  | 13/04/2007 | HQ13-BAF08 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 16  | 050113250027 | Huỳnh Ngọc Lan    | Anh  | 24/02/2007 | HQ13-BAF20 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 17  | 050113250029 | Lê Bảo Vân        | Anh  | 12/09/2007 | HQ13-BAF06 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 18  | 050113250063 | Nguyễn Thảo       | Anh  | 23/12/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 19  | 050113250082 | Trần Ngọc Mai     | Anh  | 02/12/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 20  | 050113250034 | Lê Như Lan        | Anh  | 12/12/2007 | HQ13-BAF07 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 21  | 050113250086 | Trần Nguyễn Quỳnh | Anh  | 18/04/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 22  | 050713250007 | Nguyễn Đỗ Minh    | Ánh  | 21/11/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 23  | 050213250003 | Đoàn Gia          | Bảo  | 26/11/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 24  | 050513250021 | Hoàng Trần Quốc   | Bảo  | 21/05/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 25  | 050313250040 | Phan Nguyễn Gia   | Bảo  | 01/01/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 26  | 050113250096 | Lê Gia            | Bảo  | 22/11/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 27  | 050113250109 | Nguyễn Thị Tâm    | Bình | 29/09/2007 | HQ13-BAF18 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 28  | 050113250106 | Nguyễn Gia        | Bình | 04/09/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 29  | 050113250113 | Lê Nguyễn Bảo     | Châu | 15/10/2007 | HQ13-BAF13 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót       | Tên   | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|-------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                     |       |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 30  | 050313250047 | Nguyễn Phú Quỳnh    | Chi   | 03/06/2006 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 31  | 050313250048 | Trần Dương Mỹ       | Chi   | 13/05/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 32  | 050113250124 | Trương Khánh        | Chi   | 11/12/2007 | HQ13-BAF14 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 33  | 050513250041 | Lê Nguyễn Quốc      | Đại   | 02/12/2007 | HQ13-ACC04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 34  | 050513250033 | Hoàng Trung         | Dân   | 30/06/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 35  | 050113250190 | Đoàn Hạnh           | Đan   | 12/08/2007 | HQ13-BAF22 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 36  | 050513250043 | Nguyễn Trần Hải     | Đăng  | 17/10/2007 | HQ13-ACC05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 37  | 050713250102 | Danh Huỳnh Quốc     | Đạt   | 15/05/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 38  | 050313250075 | Nguyễn Như Hoàng    | Đức   | 28/09/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 39  | 050113250142 | Lê Yến Thùy         | Dung  | 12/06/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 40  | 050213250009 | Dương Trí           | Dũng  | 03/12/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 41  | 050113250152 | Huỳnh Nguyễn Minh   | Dũng  | 03/09/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 42  | 050513250038 | Nguyễn Trương Hoàng | Duy   | 01/02/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 43  | 050313250061 | Võ Lê               | Duy   | 10/09/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 44  | 050313250060 | Nguyễn Quy          | Duy   | 06/03/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 45  | 050813250002 | Cao Nguyễn Thái     | Duyên | 22/09/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 46  | 050113250177 | Trần Hoàng Xuân     | Duyên | 17/02/2007 | HQ13-BAF24 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 47  | 050113250224 | Phan Hà Hương       | Giang | 25/01/2007 | HQ13-BAF18 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 48  | 050113250220 | Lê Phương           | Giang | 08/08/2007 | HQ13-BAF08 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 49  | 150402250011 | Phạm Thanh          | Hà    | 16/09/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 50  | 050313250079 | Lê Khánh            | Hà    | 08/06/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 51  | 050713250014 | Vũ Minh             | Hà    | 29/05/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 52  | 150402250009 | Hồ Thị Ngọc         | Hà    | 28/07/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 53  | 050113250231 | Lê Võ Hồng          | Hà    | 07/06/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 54  | 050113250234 | Phạm Như            | Hà    | 28/10/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 55  | 050713250016 | Nguyễn Trường       | Hải   | 07/06/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 56  | 050113250240 | Lại Tấn             | Hải   | 25/10/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 57  | 050513250060 | Đặng Trần Gia       | Hân   | 13/02/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 58  | 050513250064 | Lê Trúc Gia         | Hân   | 28/12/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 59  | 050813250005 | Huỳnh Khả           | Hân   | 08/01/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 60  | 050113250261 | Châu Trần Gia       | Hân   | 07/09/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 61  | 050313250085 | Bùi Quốc Bảo        | Hân   | 23/04/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 62  | 050313250088 | Lê Ngọc Gia         | Hân   | 27/09/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót    | Tên   | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                  |       |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 63  | 050313250090 | Nguyễn Đỗ Ngọc   | Hân   | 07/08/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 64  | 050113250267 | Huỳnh Bảo        | Hân   | 08/10/2007 | HQ13-BAF24 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 65  | 050113250288 | Phạm Đặng Gia    | Hân   | 03/09/2007 | HQ13-BAF11 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 66  | 050113250262 | Dương Gia        | Hân   | 12/06/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 67  | 050113250287 | Phan Gia         | Hân   | 26/09/2007 | HQ13-BAF10 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 68  | 050113250284 | Nguyễn Trần Gia  | Hân   | 21/12/2007 | HQ13-BAF11 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 69  | 050113250292 | Thoòng Gia       | Hân   | 22/06/2007 | HQ13-BAF10 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 70  | 050513250058 | Bùi Lê Tuyết     | Hằng  | 16/10/2007 | HQ13-ACC05 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 71  | 050513250075 | Lưu Hoàng Minh   | Hiền  | 12/01/2007 | HQ13-ACC05 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 72  | 050513250076 | Nguyễn Thị Thu   | Hiền  | 16/03/2007 | HQ13-ACC03 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 73  | 050113250311 | Nguyễn Trần Minh | Hiếu  | 24/10/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 74  | 050313250099 | Nguyễn Trung     | Hiếu  | 29/12/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 75  | 050113250316 | Nguyễn Thị Khánh | Hòa   | 10/01/2007 | HQ13-BAF18 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 76  | 050813250010 | Lương Minh       | Hoàng | 24/05/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 77  | 050113250327 | Bùi Thị          | Hoanh | 23/01/2007 | HQ13-BAF24 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 78  | 050113250359 | Thắm Việt        | Hưng  | 29/08/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 79  | 050313250113 | Nguyễn Lữ Gia    | Hưng  | 03/06/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 80  | 150402250022 | Lê Quỳnh         | Hương | 30/11/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 81  | 050513250087 | Hồ Lan           | Hương | 20/09/2007 | HQ13-ACC04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 82  | 050113250367 | Nguyễn Đào Mai   | Hương | 09/03/2007 | HQ13-BAF13 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 83  | 050113250372 | Nguyễn Việt      | Hương | 30/10/2007 | HQ13-BAF16 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 84  | 050113250363 | Lê Quỳnh         | Hương | 25/03/2007 | HQ13-BAF10 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 85  | 050313250106 | Ngô Văn          | Huy   | 01/01/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 86  | 050113250336 | Đỗ Đức           | Huy   | 17/03/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 87  | 050313250104 | Đoàn Minh        | Huy   | 29/03/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 88  | 050313250107 | Nguyễn Đoàn Hữu  | Huy   | 24/03/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 89  | 050113250340 | Lý Nhật          | Huy   | 01/01/2007 | HQ13-BAF24 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 90  | 050313250111 | Phan Nguyễn Gia  | Huyền | 01/09/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 91  | 050113250349 | Đặng Nguyễn Ngọc | Huyền | 30/09/2007 | HQ13-BAF23 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 92  | 050113250376 | Trần Minh        | Kha   | 16/11/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 93  | 050113250379 | Đào Minh         | Khang | 16/03/2007 | HQ13-BAF17 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 94  | 050313250120 | Phạm Nguyễn Duy  | Khang | 13/04/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 95  | 050113250389 | Trần Vũ Duy      | Khang | 04/02/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                   |       |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 96  | 050113250390 | Nguyễn An         | Khanh | 08/12/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 97  | 050313250126 | Nguyễn Ngọc Gia   | Khánh | 20/12/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 98  | 050113250398 | Phan Xuân         | Khánh | 15/05/2007 | HQ13-BAF08 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 99  | 050313250130 | Phùng Nguyễn Đăng | Khoa  | 11/09/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 100 | 050113250409 | Nguyễn Quốc       | Khoa  | 21/04/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 101 | 050113250411 | Phạm Nguyễn Đăng  | Khoa  | 01/12/2007 | HQ13-BAF06 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 102 | 050213250025 | Trần Hoàng Nguyên | Khôi  | 07/08/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 103 | 150402250024 | Võ Minh           | Khôi  | 13/01/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 104 | 050113250421 | Trần Minh         | Khôi  | 22/06/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 105 | 050113250427 | Nguyễn Ngọc       | Khuê  | 16/11/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 106 | 050313250133 | Lê Hồng Minh      | Khuê  | 01/01/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 107 | 050113250429 | Vũ Minh           | Khuê  | 10/06/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 108 | 050113250426 | Bành Trần Mai     | Khuê  | 20/01/2007 | HQ13-BAF22 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 109 | 050213250027 | Bành Đức Trung    | Kiên  | 28/02/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 110 | 050313250135 | Nguyễn Tài Chí    | Kiên  | 15/02/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 111 | 050113250433 | Hà Anh            | Kiệt  | 21/04/2007 | HQ13-BAF12 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 112 | 050313250140 | Phan Ngọc Thiên   | Kim   | 20/10/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 113 | 050113250448 | Mật Mỹ            | Kỳ    | 06/06/2007 | HQ13-BAF11 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 114 | 050113250451 | Đoàn Lê Quỳnh     | Lam   | 26/02/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 115 | 050113250469 | Nguyễn Việt       | Lâm   | 04/04/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 116 | 050113250463 | Võ Phạm Hoàng     | Lan   | 21/11/2007 | HQ13-BAF10 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 117 | 050113250477 | Hoàng Thanh       | Liêm  | 10/06/2007 | HQ13-BAF07 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 118 | 050713250025 | Nguyễn Thị Hồng   | Liên  | 13/07/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 119 | 050213250028 | Nguyễn Thị Thủy   | Linh  | 11/12/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 120 | 050113250506 | Phạm Phương       | Linh  | 18/04/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 121 | 050113250485 | Khổng Thị Phương  | Linh  | 27/08/2007 | HQ13-BAF12 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 122 | 050113250516 | Vũ Thị Thủy       | Linh  | 27/06/2007 | HQ13-BAF07 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 123 | 050313250150 | Phạm Hoàng Ngọc   | Linh  | 09/08/2007 | HQ13-MAG04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 124 | 050313250144 | Hoàng Mỹ          | Linh  | 29/07/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 125 | 050113250493 | Nguyễn Hà Trúc    | Linh  | 19/07/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 126 | 050113250496 | Nguyễn Lê Thảo    | Linh  | 16/01/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 127 | 050113250498 | Nguyễn Thị Phương | Linh  | 31/03/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 128 | 050113250504 | Phan Thị Khánh    | Linh  | 16/08/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót       | Tên  | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                      | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|------|------------|------------|-----------|-------|-------|------------------------------|---------|
|     |              |                     |      |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                              |         |
| 129 | 050713250100 | Lê Kim              | Loan | 18/04/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 130 | 050513250111 | Hồ Lê Hoàng         | Long | 17/02/2007 | HQ13-ACC05 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 131 | 050113250520 | Nguyễn Phúc Gia     | Long | 28/08/2007 | HQ13-BAF06 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 132 | 150402250028 | Phạm Gia            | Long | 25/09/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 133 | 050113250521 | Phan Đình Bảo       | Long | 06/09/2007 | HQ13-BAF07 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 134 | 050813250019 | Đinh Thảo           | Ly   | 02/06/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 135 | 050813250023 | Phạm Hà             | Ly   | 18/11/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 136 | 050513250116 | Nguyễn Thị Thanh    | Mai  | 11/12/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 137 | 050813250025 | Huỳnh Thị Xuân      | Mai  | 25/03/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 138 | 050113250544 | Nguyễn Huỳnh Phương | Mai  | 24/04/2007 | HQ13-BAF19 |           | X     |       | Cambridge Assessment English |         |
| 139 | 050113250555 | Nguyễn Gia          | Mẫn  | 20/08/2007 | HQ13-BAF24 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 140 | 050513250118 | Phạm Đức            | Mạnh | 21/11/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 141 | 050213250032 | Đặng Nguyễn Đức     | Minh | 05/08/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 142 | 050513250121 | Lê                  | Minh | 16/08/2006 | HQ13-ACC04 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 143 | 050813250028 | Nguyễn Nhật         | Minh | 28/05/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 144 | 050113250559 | Châu Nguyệt         | Minh | 30/12/2007 | HQ13-BAF12 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 145 | 050313250160 | Bùi Chu             | Minh | 07/11/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 146 | 050313250162 | Huỳnh Đỗ Nhật       | Minh | 16/03/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 147 | 050313250164 | Trần Lê             | Minh | 16/06/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 148 | 050813250030 | Lê Thị Diễm         | My   | 23/11/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 149 | 050813250029 | Hà Nguyễn Trà       | My   | 12/04/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 150 | 050813250033 | Trịnh Nguyễn Hải    | My   | 19/03/2007 | HQ13-INE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 151 | 050713250031 | Huỳnh Thị Thảo      | My   | 28/12/2006 | HQ13-EL02  | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 152 | 050313250168 | Nguyễn Kiều         | My   | 03/10/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 153 | 050313250170 | Trần Thị Thảo       | My   | 25/05/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 154 | 050513250128 | Lư Thị Hoàn         | Mỹ   | 03/09/2007 | HQ13-ACC05 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 155 | 050113250595 | Lê Trần Nhật        | Mỹ   | 26/05/2007 | HQ13-BAF07 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 156 | 050813250034 | Nguyễn Huỳnh Ly     | Na   | 04/09/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 157 | 050313250173 | Nguyễn Hoàng        | Nam  | 07/09/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 158 | 050213250036 | Vũ Ngọc Thy         | Ngân | 05/07/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 159 | 050513250134 | Nguyễn Huỳnh Minh   | Ngân | 09/09/2007 | HQ13-ACC03 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 160 | 050713250034 | Nguyễn Thị Kim      | Ngân | 24/01/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 161 | 050113250635 | Phạm Hoàng Bảo      | Ngân | 04/01/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót      | Tên    | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                    |        |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 162 | 150402250039 | Vương Thị Kim      | Ngân   | 24/04/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 163 | 050113250619 | Hoàng Nguyễn Bảo   | Ngân   | 11/01/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 164 | 050113250659 | Võ Đỗ Bảo          | Nghi   | 04/06/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 165 | 050113250651 | Đỗ Gia             | Nghi   | 08/03/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 166 | 050313250188 | Nguyễn Phương      | Nghi   | 18/07/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 167 | 050113250657 | Phan Nguyễn Phương | Nghi   | 14/09/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 168 | 150402250043 | Phan Bảo           | Ngọc   | 20/01/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 169 | 050213250040 | Võ Thị Minh        | Ngọc   | 08/04/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 170 | 050513250141 | Lưu Khánh          | Ngọc   | 09/11/2007 | HQ13-ACC06 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 171 | 050813250036 | Lê Minh Bảo        | Ngọc   | 12/11/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 172 | 050113250686 | Nguyễn Khánh       | Ngọc   | 23/11/2007 | HQ13-BAF21 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 173 | 050113250673 | Hồ Minh            | Ngọc   | 10/08/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 174 | 050113250689 | Nguyễn Minh        | Ngọc   | 05/12/2007 | HQ13-BAF20 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 175 | 050113250666 | Danh Thụy Bảo      | Ngọc   | 29/11/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 176 | 050113250669 | Đinh Tiểu          | Ngọc   | 31/07/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 177 | 050113250704 | Vũ Nguyễn Bích     | Ngọc   | 10/10/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 178 | 150402250042 | Nguyễn Thị Bích    | Ngọc   | 04/10/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 179 | 050113250702 | Võ Như             | Ngọc   | 21/03/2007 | HQ13-BAF17 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 180 | 050113250701 | Trương Hoàng Bảo   | Ngọc   | 17/12/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 181 | 050813250041 | Huỳnh Xuân         | Nguyên | 08/11/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 182 | 150402250045 | Nguyễn Ngọc Phúc   | Nguyên | 19/12/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 183 | 050313250202 | Nguyễn Ngọc Thảo   | Nguyên | 01/03/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 184 | 050113250716 | Nguyễn Diệu        | Nguyên | 15/11/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 185 | 150402250046 | Lưu                | Nguyên | 19/05/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 186 | 050213250044 | Đặng Ngọc Thanh    | Nhi    | 17/07/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 187 | 050513250153 | Hoàng Yến          | Nhi    | 02/10/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 188 | 050813250042 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 14/10/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 189 | 050713250042 | Nguyễn Thị Khánh   | Nhi    | 18/02/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 190 | 050113250759 | Nguyễn Mai Quỳnh   | Nhi    | 19/05/2007 | HQ13-BAF06 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 191 | 050113250763 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 09/08/2007 | HQ13-BAF24 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 192 | 050113250748 | Lê Quỳnh           | Nhi    | 08/07/2007 | HQ13-BAF14 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 193 | 150402250049 | Nguyễn Thị Tuyết   | Nhi    | 21/07/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 194 | 050313250213 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 03/02/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót      | Tên    | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                    |        |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 195 | 050113250740 | Đào Phương Thảo    | Nhi    | 19/10/2007 | HQ13-BAF19 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 196 | 050113250775 | Võ Ngọc Uyên       | Nhi    | 17/07/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 197 | 050213250047 | Trương Quỳnh       | Như    | 19/05/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 198 | 050813250043 | Lưu Nguyễn Tâm     | Như    | 27/04/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 199 | 050813250044 | Nguyễn Minh Thục   | Như    | 07/11/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 200 | 150402250051 | Đoàn Thị Quỳnh     | Như    | 15/07/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 201 | 050313250229 | Phùng Ngọc Lâm Lâm | Như    | 28/10/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 202 | 050313250223 | Huỳnh Lê Thanh     | Như    | 14/09/2006 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 203 | 050113250787 | Đinh Hồ Quỳnh      | Như    | 30/07/2007 | HQ13-BAF23 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 204 | 050113250781 | Đoàn Tuyết         | Nhung  | 10/05/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 205 | 050113250805 | Nguyễn Ngọc Hoàng  | Oanh   | 04/01/2007 | HQ13-BAF23 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 206 | 050313250233 | Lê Thịnh           | Phát   | 12/06/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 207 | 050313250234 | Nguyễn Hữu Trường  | Phát   | 08/05/2007 | HQ13-MAG08 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 208 | 050113250812 | Nguyễn Hoàng Minh  | Phát   | 01/03/2007 | HQ13-BAF22 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 209 | 050113250809 | Chu Quốc           | Phát   | 29/01/2007 | HQ13-BAF22 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 210 | 050813250048 | Trần Lê Xuân       | Phúc   | 28/12/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 211 | 050113250829 | Huỳnh Ngọc Gia     | Phúc   | 11/10/2007 | HQ13-BAF13 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 212 | 050113250834 | Phạm Hoàng         | Phúc   | 20/01/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 213 | 050813250051 | Võ Nguyễn Linh     | Phương | 21/11/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 214 | 050713250045 | Nguyễn Minh        | Phương | 02/11/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 215 | 050113250853 | Trần Ngọc Mai      | Phương | 29/12/2007 | HQ13-BAF14 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 216 | 050113250852 | Trần Ngọc Anh      | Phương | 17/03/2007 | HQ13-BAF16 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 217 | 150402250055 | Lê Duy             | Phương | 19/11/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 218 | 150402250056 | Lê Hà              | Phương | 02/08/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 219 | 050313250245 | Phạm Thị Mỹ        | Phương | 22/12/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 220 | 050313250243 | Lý Thái An         | Phương | 26/04/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 221 | 050313250248 | Trương Khánh       | Phương | 17/09/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 222 | 050713250046 | Đỗ Nguyễn Thê      | Quân   | 24/03/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 223 | 050113250866 | Nguyễn Đình Anh    | Quân   | 11/11/2007 | HQ13-BAF09 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 224 | 050113250865 | Lê Hoàng           | Quân   | 06/12/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 225 | 050113250860 | Đặng Nguyễn Nguyên | Quang  | 10/08/2007 | HQ13-BAF18 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 226 | 050313250252 | Nguyễn Anh         | Quốc   | 25/11/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 227 | 050113250873 | Trần Thị Ngọc      | Quý    | 25/08/2007 | HQ13-BAF20 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót      | Tên   | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                      | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------|-------|------------|------------|-----------|-------|-------|------------------------------|---------|
|     |              |                    |       |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                              |         |
| 228 | 050813250053 | Hoàng Thị Ngọc     | Quyên | 23/05/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 229 | 050113250879 | Nguyễn Tuyết       | Quyên | 04/01/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 230 | 050113250881 | Trần Ngọc Mỹ       | Quyên | 07/01/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 231 | 050513250193 | Phạm Nhật          | Quỳnh | 28/04/2007 | HQ13-ACC01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 232 | 050813250055 | Trần Thị Phương    | Quỳnh | 25/04/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 233 | 150402250059 | Trần Diễm          | Quỳnh | 14/06/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 234 | 150402250060 | Trương Lê Gia      | Quỳnh | 21/09/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 235 | 050113250896 | Nguyễn Ngọc        | Quỳnh | 29/07/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 236 | 050113250915 | Trần Đức           | Tài   | 14/12/2007 | HQ13-BAF22 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 237 | 050513250198 | Nguyễn Lê Phương   | Tâm   | 14/02/2007 | HQ13-ACC04 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 238 | 050113250922 | Tất Thái Thanh     | Tâm   | 12/02/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 239 | 050313250263 | Trần Ngọc Bảo      | Tâm   | 12/01/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 240 | 050513250200 | Đinh Phạm Minh     | Tân   | 23/02/2007 | HQ13-ACC06 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 241 | 050113250925 | Nguyễn Minh Quốc   | Thái  | 19/02/2007 | HQ13-BAF15 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 242 | 050213250061 | Trần Quốc          | Thắng | 13/09/2006 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 243 | 150402250061 | Trần Thị Phương    | Thanh | 16/05/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 244 | 050313250266 | Lương Hà           | Thanh | 04/11/2007 | HQ13-MAG05 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 245 | 050313250268 | Nguyễn Tiến        | Thành | 06/09/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 246 | 050113250945 | Nguyễn Lê Phương   | Thảo  | 31/10/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 247 | 150402250063 | Diệp Nguyễn Phương | Thảo  | 20/03/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 248 | 050313250273 | Trần Thị Vân       | Thảo  | 04/01/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 249 | 050313250272 | Nguyễn Thanh       | Thảo  | 22/12/2007 | HQ13-MAG07 |           | X     |       | Cambridge Assessment English |         |
| 250 | 050713250104 | Võ Huỳnh Nhật      | Thảo  | 15/08/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 251 | 050113250936 | Hồ Ngọc Phương     | Thảo  | 30/03/2007 | HQ13-BAF14 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 252 | 050813250056 | Lương Bảo          | Thị   | 28/08/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 253 | 150402250064 | Nguyễn Thị Anh     | Thị   | 03/11/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 254 | 050113250963 | Đào Tấn            | Thiên | 19/02/2007 | HQ13-BAF06 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 255 | 050513250210 | Lê Ngọc            | Thiện | 02/01/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 256 | 050313250280 | Nguyễn Hoàng       | Thông | 10/03/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 257 | 050113250979 | Phạm Thị Tuyết     | Thu   | 11/01/2007 | HQ13-BAF18 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 258 | 050513250222 | Lê Minh            | Thư   | 03/04/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 259 | 050713250054 | Nguyễn Hoàng Anh   | Thư   | 28/06/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 260 | 050113251022 | Nguyễn Mộng Anh    | Thư   | 14/06/2007 | HQ13-BAF07 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |

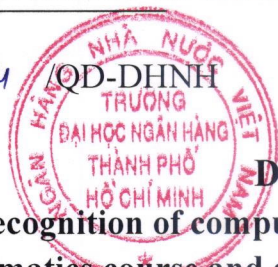
| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót      | Tên    | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                      | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|-------|-------|------------------------------|---------|
|     |              |                    |        |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                              |         |
| 261 | 050113251011 | Lê Vũ Anh          | Thư    | 25/11/2006 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 262 | 050113251035 | Trịnh Lê Anh       | Thư    | 10/12/2007 | HQ13-BAF21 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 263 | 050313250287 | Châu Hồng Anh      | Thư    | 28/03/2007 | HQ13-MAG04 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 264 | 050313250300 | Võ Nguyễn Anh      | Thư    | 15/12/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 265 | 050113251029 | Phạm Bảo Đan       | Thư    | 31/05/2007 | HQ13-BAF16 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 266 | 050213250062 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Thuận  | 22/12/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 267 | 050813250064 | Nguyễn Thành Trọng | Thức   | 24/06/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 268 | 050113251042 | Nguyễn Thanh Hoài  | Thương | 26/01/2007 | HQ13-BAF20 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 269 | 050113251038 | Dương Hoài         | Thương | 07/05/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 270 | 150402250068 | Nguyễn Thị Kim     | Thương | 07/07/2007 | HQ13-BBE02 |           | X     |       | Cambridge Assessment English |         |
| 271 | 050513250215 | Đỗ Thị Phương      | Thùy   | 14/09/2007 | HQ13-ACC05 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 272 | 050113250987 | Trần Nguyễn Phương | Thùy   | 20/11/2007 | HQ13-BAF03 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 273 | 050113250988 | Trần Vương Ngọc    | Thùy   | 09/02/2007 | HQ13-BAF21 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 274 | 050813250058 | Lê Đoàn Phương     | Thùy   | 15/05/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 275 | 050513250217 | Nguyễn Quang       | Thụy   | 11/04/2007 | HQ13-ACC03 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 276 | 050213250064 | Hồ Khánh           | Thy    | 24/10/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 277 | 050513250230 | Phạm Trần Mai      | Thy    | 25/11/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 278 | 050313250304 | Nguyễn Hà Bảo      | Thy    | 20/05/2007 | HQ13-MAG08 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 279 | 050113251050 | Phạm Phương        | Thy    | 06/09/2007 | HQ13-BAF12 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 280 | 050113251048 | Liêu Phạm Anh      | Thy    | 02/09/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 281 | 050113251061 | Trịnh Thủy         | Tiên   | 30/04/2007 | HQ13-BAF13 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 282 | 050313250312 | Trần Ngọc Thủy     | Tiên   | 12/07/2007 | HQ13-MAG01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 283 | 050513250232 | Võ Anh             | Tiến   | 16/11/2007 | HQ13-ACC06 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 284 | 050513250231 | Trần Ngọc          | Tiền   | 07/02/2007 | HQ13-ACC04 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 285 | 050213250067 | Bùi Thanh          | Toàn   | 16/01/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 286 | 050313250324 | Huỳnh Mai          | Trâm   | 20/07/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 287 | 050113251117 | Trần Tú            | Trâm   | 21/03/2007 | HQ13-BAF13 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 288 | 050513250246 | Nguyễn Thái Bảo    | Trâm   | 12/05/2007 | HQ13-ACC03 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 289 | 050113251100 | Hà Nguyễn Huyền    | Trâm   | 25/10/2007 | HQ13-BAF10 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 290 | 050113251104 | Nguyễn Bảo         | Trâm   | 04/04/2007 | HQ13-BAF01 | X         |       |       | IDP Việt Nam                 |         |
| 291 | 150402250072 | Mai Đặng Thủy      | Trâm   | 23/01/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 292 | 050313250338 | Trần Nguyễn Bảo    | Trân   | 12/12/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | British Council Việt Nam     |         |
| 293 | 050513250248 | Nguyễn Bảo         | Trân   | 04/05/2007 | HQ13-ACC03 |           | X     |       | Cambridge Assessment English |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót        | Tên    | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|----------------------|--------|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                      |        |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 294 | 050513250247 | Huỳnh Ngọc           | Trân   | 06/09/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 295 | 050813250067 | Huỳnh Bạch Thái Trân | Trân   | 17/09/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 296 | 050713250062 | Đoàn Ngọc Bảo        | Trân   | 07/12/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 297 | 050113251123 | Đồng Bảo             | Trân   | 10/11/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 298 | 050513250235 | Bùi Thị Minh         | Trang  | 29/06/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 299 | 050713250061 | Võ Mai Kiều          | Trang  | 02/03/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 300 | 050113251075 | Đào Nhật Thảo        | Trang  | 19/08/2007 | HQ13-BAF02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 301 | 050113251099 | Trần Thị Phương      | Trang  | 25/11/2007 | HQ13-BAF19 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 302 | 050113251076 | Đoàn Phạm Thảo       | Trang  | 13/07/2007 | HQ13-BAF20 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 303 | 050213250073 | Nguyễn Vũ Phương     | Trinh  | 14/04/2007 | HQ13-MIS02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 304 | 050213250074 | Phạm Thị Phương      | Trinh  | 20/06/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 305 | 050113251150 | Nguyễn Thị Minh      | Trinh  | 22/11/2007 | HQ13-BAF11 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 306 | 050313250344 | Nguyễn Gia           | Trinh  | 06/01/2007 | HQ13-MAG06 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 307 | 050513250255 | Nguyễn Thủy          | Trúc   | 22/05/2007 | HQ13-ACC03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 308 | 050113251158 | Nguyễn Ngọc Thuý     | Trúc   | 12/08/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 309 | 050813250069 | Võ Chí               | Trung  | 04/02/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 310 | 050813250079 | Nguyễn Vương         | Trường | 06/11/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 311 | 150402250075 | Phan Anh             | Tú     | 15/04/2007 | HQ13-BBE01 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 312 | 050113251169 | Lê Thụy Hồng         | Tú     | 13/07/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 313 | 050813250072 | Lê Cao               | Tuệ    | 15/10/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 314 | 050113251199 | Nguyễn Ngọc Cát      | Tường  | 03/09/2007 | HQ13-BAF23 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 315 | 050313250366 | Trần Nguyên Cát      | Tường  | 10/11/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 316 | 050513250268 | Thân Ngọc Phương     | Uyên   | 15/09/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 317 | 150402250076 | Huỳnh Ngọc Khánh     | Uyên   | 14/12/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 318 | 050313250375 | Trần Bích            | Vân    | 28/07/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 319 | 050513250275 | Nguyễn Thảo          | Vi     | 17/08/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 320 | 050513250276 | Lê Đại               | Việt   | 10/02/2007 | HQ13-ACC02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 321 | 050113251230 | Nguyễn Minh          | Việt   | 03/07/2007 | HQ13-BAF18 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 322 | 050113251233 | Trương Đức           | Vinh   | 06/02/2007 | HQ13-BAF14 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 323 | 050213250080 | Nguyễn Hoài Hà       | Vy     | 30/04/2007 | HQ13-MIS01 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 324 | 050813250075 | Châu Hải             | Vy     | 27/11/2007 | HQ13-INE02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 325 | 050713250071 | Dương Tường          | Vy     | 06/10/2007 | HQ13-EL01  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 326 | 050713250079 | Vũ Ngọc Thảo         | Vy     | 10/11/2007 | HQ13-EL02  | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên lót     | Tên | Ngày sinh  | Lớp        | Chứng Chỉ |       |       | Nơi cấp                  | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|-----|------------|------------|-----------|-------|-------|--------------------------|---------|
|     |              |                   |     |            |            | Ielts     | A2/B1 | Toeic |                          |         |
| 327 | 050113251251 | Lê Yến            | Vy  | 11/05/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 328 | 050113251260 | Nguyễn Ngọc Thảo  | Vy  | 29/09/2007 | HQ13-BAF05 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 329 | 050113251241 | Đinh Ngọc         | Vy  | 05/08/2007 | HQ13-BAF11 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 330 | 150402250080 | Phạm Châu Tường   | Vy  | 12/10/2007 | HQ13-BBE02 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 331 | 050313250384 | Nguyễn Huỳnh Thúy | Vy  | 11/01/2007 | HQ13-MAG08 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |
| 332 | 050313250390 | Nguyễn Uyên       | Vy  | 20/05/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 333 | 050313250399 | Phạm Thị Như      | Ý   | 05/02/2007 | HQ13-MAG07 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 334 | 050313250400 | Trịnh Như         | Ý   | 13/06/2007 | HQ13-MAG03 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 335 | 050313250401 | Huỳnh Ngô Phương  | Yên | 10/01/2007 | HQ13-MAG02 | X         |       |       | IDP Việt Nam             |         |
| 336 | 050113251301 | Nguyễn Hải        | Yến | 15/04/2007 | HQ13-BAF04 | X         |       |       | British Council Việt Nam |         |

**Tổng: 336 sinh viên**

No.: 4044



Ho Chi Minh City, 30 October, 2025

## DECISION

**Regarding the recognition of computer literacy standards for eligibility to study the Applied Informatics course and exemption from the initial Computer Literacy Test for full-time undergraduate students of the Partial English Training Program (High-Quality) Intake 13**

### RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

*Pursuant to Resolution No. 159/NQ-HUB-UC dated September 16, 2024, on the promulgation of the Regulation on the functions, tasks, powers, and organizational structure of units under and directly affiliated with Ho Chi Minh University of Banking;*

*Pursuant to Decision No. 466/QD-HUB dated February 28, 2024, by the Rector of Ho Chi Minh University of Banking, on the promulgation of the "Regulation on the organization and management of undergraduate training at Ho Chi Minh University of Banking";*

*Pursuant to Decision No. 1070/QD-HUB dated April 24, 2024, by the Rector of Ho Chi Minh University of Banking, on the promulgation of the "Regulation on the organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate programs at Ho Chi Minh University of Banking";*

*Pursuant to Decision No. 1075/QD-HUB dated May 8, 2019, by the Rector on the promulgation of the Regulation on score management on the Training Management Software System*

*Pursuant to Notice No. 1330/TB-HUB dated August 26, 2025, regarding the study plan for new full-time undergraduate students of Intake 41, full-time undergraduate students of the Partial English Training Program (High-Quality) Intake 13, Special Training Program Intake 2, and International Dual Degree Full-time Undergraduate Program Intake 7;*

*At the request of the Head of the Office of Academic Affairs,*

### DECIDES:

**Article 1.** To recognize the attainment of the English standard for the General Education phase for 336 full-time undergraduate students of the Partial English Training Program (High-Quality) Intake 13 and the Special Training Program (STP).

(List attached)

**Article 2.** Relevant units shall coordinate implementation in accordance with Decision No. 1075/QD-HUB dated May 8, 2019, by the Rector on the promulgation of the Regulation on score management on the Training Management Software System.

**Article 3.** The Chief of General Administration Office, Head of the Department of Training Management, Head of the Department of Testing and Quality Assurance,



Head of the Department of Finance and Accounting, and the students named in Article 1 are responsible for implementing this Decision. ✓

***Recipients:***

- As Article 3;
- Board of Rectors (for reporting);
- Department of Testing and Quality Assurance,  
Department of Finance and Accounting;  
Website: for posting;
- Save: DAA, GAO.

**RECTOR** ✓

(Signed)

**Assoc. Prof., Dr. Nguyen Duc Trung**



**LIST OF FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS OF THE PARTIAL ENGLISH TRAINING PROGRAM (HIGH-QUALITY) INTAKE 13 AND SPECIAL TRAINING PROGRAM INTAKE 2 WHO ARE EXEMPTED FROM THE INITIAL ENGLISH TEST – ATTAINING THE ENGLISH ENTRANCE STANDARD IN 2025**

*(Issued together with Decision No.: 4614 /QĐ-ĐHNH, dated 30 / 10 /2025 by the Rector)*

| No. | Student ID   | Last name         |     | Date of Birth | Class      | Certificate |       |       | Place of Issue           |
|-----|--------------|-------------------|-----|---------------|------------|-------------|-------|-------|--------------------------|
|     |              |                   |     |               |            | Ielts       | A2/B1 | Toeic |                          |
| 1   | 050713250002 | Phạm Vĩnh Khang   | An  | 20/06/2007    | HQ13-EL01  | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 2   | 050113250011 | Nguyễn Ngọc Hà    | An  | 08/05/2007    | HQ13-BAF14 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 3   | 050313250006 | Phan Hữu Tâm      | An  | 05/12/2007    | HQ13-MAG02 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 4   | 050213250002 | Vũ Bá Thiên       | Ân  | 16/01/2007    | HQ13-MIS01 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 5   | 050313250009 | Đặng Châu         | Anh | 12/06/2007    | HQ13-MAG03 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 6   | 050213250001 | Hồ Phương         | Anh | 20/02/2007    | HQ13-MIS01 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 7   | 050813250001 | Hoàng Phương      | Anh | 17/09/2007    | HQ13-INE01 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 8   | 050113250046 | Nguyễn Ngọc       | Anh | 18/09/2007    | HQ13-BAF03 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 9   | 050113250072 | Phạm Đình Bảo     | Anh | 25/11/2007    | HQ13-BAF01 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 10  | 050113250073 | Phạm Hoàng Vân    | Anh | 17/05/2007    | HQ13-BAF19 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 11  | 050113250078 | Phạm Vũ Quỳnh     | Anh | 05/02/2007    | HQ13-BAF17 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 12  | 050313250032 | Võ Ngọc Trâm      | Anh | 24/08/2007    | HQ13-MAG02 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 13  | 050313250020 | Nguyễn Phương     | Anh | 18/03/2007    | HQ13-MAG08 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 14  | 050113250019 | Đặng Nguyễn Bảo   | Anh | 07/03/2007    | HQ13-BAF17 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 15  | 050113250038 | Ngô Phương        | Anh | 13/04/2007    | HQ13-BAF08 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 16  | 050113250027 | Huỳnh Ngọc Lan    | Anh | 24/02/2007    | HQ13-BAF20 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 17  | 050113250029 | Lê Bảo Vân        | Anh | 12/09/2007    | HQ13-BAF06 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 18  | 050113250063 | Nguyễn Thảo       | Anh | 23/12/2007    | HQ13-BAF02 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 19  | 050113250082 | Trần Ngọc Mai     | Anh | 02/12/2007    | HQ13-BAF01 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 20  | 050113250034 | Lê Như Lan        | Anh | 12/12/2007    | HQ13-BAF07 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 21  | 050113250086 | Trần Nguyễn Quỳnh | Anh | 18/04/2007    | HQ13-BAF03 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 22  | 050713250007 | Nguyễn Đỗ Minh    | Ánh | 21/11/2007    | HQ13-EL01  | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 23  | 050213250003 | Đoàn Gia          | Bảo | 26/11/2007    | HQ13-MIS01 | X           |       |       | British Council Việt Nam |
| 24  | 050513250021 | Hoàng Trần Quốc   | Bảo | 21/05/2007    | HQ13-ACC01 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 25  | 050313250040 | Phan Nguyễn Gia   | Bảo | 01/01/2007    | HQ13-MAG06 | X           |       |       | IDP Việt Nam             |
| 26  | 050113250096 | Lê Gia            | Bảo | 22/11/2007    | HQ13-BAF02 | X           |       |       | British Council Việt Nam |

|    |              |                     |       |            |            |   |  |  |                          |
|----|--------------|---------------------|-------|------------|------------|---|--|--|--------------------------|
| 27 | 050113250109 | Nguyễn Thị Tâm      | Bình  | 29/09/2007 | HQ13-BAF18 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 28 | 050113250106 | Nguyễn Gia          | Bình  | 04/09/2007 | HQ13-BAF09 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 29 | 050113250113 | Lê Nguyễn Bảo       | Châu  | 15/10/2007 | HQ13-BAF13 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 30 | 050313250047 | Nguyễn Phú Quỳnh    | Chi   | 03/06/2006 | HQ13-MAG03 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 31 | 050313250048 | Trần Dương Mỹ       | Chi   | 13/05/2007 | HQ13-MAG06 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 32 | 050113250124 | Trương Khánh        | Chi   | 11/12/2007 | HQ13-BAF14 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 33 | 050513250041 | Lê Nguyễn Quốc      | Đại   | 02/12/2007 | HQ13-ACC04 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 34 | 050513250033 | Hoàng Trung         | Dân   | 30/06/2007 | HQ13-ACC01 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 35 | 050113250190 | Đoàn Hạnh           | Đan   | 12/08/2007 | HQ13-BAF22 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 36 | 050513250043 | Nguyễn Trần Hải     | Đăng  | 17/10/2007 | HQ13-ACC05 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 37 | 050713250102 | Danh Huỳnh Quốc     | Đạt   | 15/05/2007 | HQ13-EL01  | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 38 | 050313250075 | Nguyễn Như Hoàng    | Đức   | 28/09/2007 | HQ13-MAG07 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 39 | 050113250142 | Lê Yến Thùy         | Dung  | 12/06/2007 | HQ13-BAF01 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 40 | 050213250009 | Dương Trí           | Dũng  | 03/12/2007 | HQ13-MIS01 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 41 | 050113250152 | Huỳnh Nguyễn Minh   | Dũng  | 03/09/2007 | HQ13-BAF09 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 42 | 050513250038 | Nguyễn Trương Hoàng | Duy   | 01/02/2007 | HQ13-ACC01 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 43 | 050313250061 | Võ Lê               | Duy   | 10/09/2007 | HQ13-MAG01 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 44 | 050313250060 | Nguyễn Quy          | Duy   | 06/03/2007 | HQ13-MAG07 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 45 | 050813250002 | Cao Nguyễn Thái     | Duyên | 22/09/2007 | HQ13-INE01 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 46 | 050113250177 | Trần Hoàng Xuân     | Duyên | 17/02/2007 | HQ13-BAF24 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 47 | 050113250224 | Phan Hà Hương       | Giang | 25/01/2007 | HQ13-BAF18 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 48 | 050113250220 | Lê Phương           | Giang | 08/08/2007 | HQ13-BAF08 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 49 | 150402250011 | Phạm Thanh          | Hà    | 16/09/2007 | HQ13-BBE02 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 50 | 050313250079 | Lê Khánh            | Hà    | 08/06/2007 | HQ13-MAG03 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 51 | 050713250014 | Vũ Minh             | Hà    | 29/05/2007 | HQ13-EL01  | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 52 | 150402250009 | Hồ Thị Ngọc         | Hà    | 28/07/2007 | HQ13-BBE02 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 53 | 050113250231 | Lê Võ Hồng          | Hà    | 07/06/2007 | HQ13-BAF02 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 54 | 050113250234 | Phạm Như            | Hà    | 28/10/2007 | HQ13-BAF15 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 55 | 050713250016 | Nguyễn Trường       | Hải   | 07/06/2007 | HQ13-EL01  | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 56 | 050113250240 | Lại Tấn             | Hải   | 25/10/2007 | HQ13-BAF03 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 57 | 050513250060 | Đặng Trần Gia       | Hân   | 13/02/2007 | HQ13-ACC01 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 58 | 050513250064 | Lê Trúc Gia         | Hân   | 28/12/2007 | HQ13-ACC01 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 59 | 050813250005 | Huỳnh Khả           | Hân   | 08/01/2007 | HQ13-INE01 | X |  |  | British Council Việt Nam |

|    |              |                  |       |            |            |   |  |                          |
|----|--------------|------------------|-------|------------|------------|---|--|--------------------------|
| 60 | 050113250261 | Châu Trần Gia    | Hân   | 07/09/2007 | HQ13-BAF04 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 61 | 050313250085 | Bùi Quốc Bảo     | Hân   | 23/04/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 62 | 050313250088 | Lê Ngọc Gia      | Hân   | 27/09/2007 | HQ13-MAG05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 63 | 050313250090 | Nguyễn Đỗ Ngọc   | Hân   | 07/08/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 64 | 050113250267 | Huỳnh Bảo        | Hân   | 08/10/2007 | HQ13-BAF24 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 65 | 050113250288 | Phạm Đặng Gia    | Hân   | 03/09/2007 | HQ13-BAF11 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 66 | 050113250262 | Dương Gia        | Hân   | 12/06/2007 | HQ13-BAF03 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 67 | 050113250287 | Phan Gia         | Hân   | 26/09/2007 | HQ13-BAF10 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 68 | 050113250284 | Nguyễn Trần Gia  | Hân   | 21/12/2007 | HQ13-BAF11 | X |  | British Council Việt Nam |
| 69 | 050113250292 | Thoòng Gia       | Hân   | 22/06/2007 | HQ13-BAF10 | X |  | British Council Việt Nam |
| 70 | 050513250058 | Bùi Lê Tuyết     | Hằng  | 16/10/2007 | HQ13-ACC05 | X |  | British Council Việt Nam |
| 71 | 050513250075 | Lưu Hoàng Minh   | Hiền  | 12/01/2007 | HQ13-ACC05 | X |  | British Council Việt Nam |
| 72 | 050513250076 | Nguyễn Thị Thu   | Hiền  | 16/03/2007 | HQ13-ACC03 | X |  | British Council Việt Nam |
| 73 | 050113250311 | Nguyễn Trần Minh | Hiếu  | 24/10/2007 | HQ13-BAF15 | X |  | British Council Việt Nam |
| 74 | 050313250099 | Nguyễn Trung     | Hiếu  | 29/12/2007 | HQ13-MAG01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 75 | 050113250316 | Nguyễn Thị Khánh | Hòa   | 10/01/2007 | HQ13-BAF18 | X |  | British Council Việt Nam |
| 76 | 050813250010 | Lương Minh       | Hoàng | 24/05/2007 | HQ13-INE01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 77 | 050113250327 | Bùi Thị          | Hoanh | 23/01/2007 | HQ13-BAF24 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 78 | 050113250359 | Thẩm Việt        | Hưng  | 29/08/2007 | HQ13-BAF02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 79 | 050313250113 | Nguyễn Lữ Gia    | Hưng  | 03/06/2007 | HQ13-MAG06 | X |  | British Council Việt Nam |
| 80 | 150402250022 | Lê Quỳnh         | Hương | 30/11/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 81 | 050513250087 | Hồ Lan           | Hương | 20/09/2007 | HQ13-ACC04 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 82 | 050113250367 | Nguyễn Đào Mai   | Hương | 09/03/2007 | HQ13-BAF13 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 83 | 050113250372 | Nguyễn Việt      | Hương | 30/10/2007 | HQ13-BAF16 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 84 | 050113250363 | Lê Quỳnh         | Hương | 25/03/2007 | HQ13-BAF10 | X |  | British Council Việt Nam |
| 85 | 050313250106 | Ngô Văn          | Huy   | 01/01/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 86 | 050113250336 | Đỗ Đức           | Huy   | 17/03/2007 | HQ13-BAF04 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 87 | 050313250104 | Đoàn Minh        | Huy   | 29/03/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 88 | 050313250107 | Nguyễn Đoàn Hữu  | Huy   | 24/03/2007 | HQ13-MAG05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 89 | 050113250340 | Lý Nhật          | Huy   | 01/01/2007 | HQ13-BAF24 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 90 | 050313250111 | Phan Nguyễn Gia  | Huyền | 01/09/2007 | HQ13-MAG01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 91 | 050113250349 | Đặng Nguyễn Ngọc | Huyền | 30/09/2007 | HQ13-BAF23 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 92 | 050113250376 | Trần Minh        | Kha   | 16/11/2007 | HQ13-BAF03 | X |  | IDP Việt Nam             |

|     |              |                   |       |            |            |   |  |                          |
|-----|--------------|-------------------|-------|------------|------------|---|--|--------------------------|
| 93  | 050113250379 | Đào Minh          | Khang | 16/03/2007 | HQ13-BAF17 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 94  | 050313250120 | Phạm Nguyễn Duy   | Khang | 13/04/2007 | HQ13-MAG07 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 95  | 050113250389 | Trần Vũ Duy       | Khang | 04/02/2007 | HQ13-BAF03 | X |  | British Council Việt Nam |
| 96  | 050113250390 | Nguyễn An         | Khanh | 08/12/2007 | HQ13-BAF15 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 97  | 050313250126 | Nguyễn Ngọc Gia   | Khánh | 20/12/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 98  | 050113250398 | Phan Xuân         | Khánh | 15/05/2007 | HQ13-BAF08 | X |  | British Council Việt Nam |
| 99  | 050313250130 | Phùng Nguyễn Đăng | Khoa  | 11/09/2007 | HQ13-MAG05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 100 | 050113250409 | Nguyễn Quốc       | Khoa  | 21/04/2007 | HQ13-BAF04 | X |  | British Council Việt Nam |
| 101 | 050113250411 | Phạm Nguyễn Đăng  | Khoa  | 01/12/2007 | HQ13-BAF06 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 102 | 050213250025 | Trần Hoàng Nguyên | Khôi  | 07/08/2007 | HQ13-MIS01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 103 | 150402250024 | Võ Minh           | Khôi  | 13/01/2007 | HQ13-BBE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 104 | 050113250421 | Trần Minh         | Khôi  | 22/06/2007 | HQ13-BAF05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 105 | 050113250427 | Nguyễn Ngọc       | Khuê  | 16/11/2007 | HQ13-BAF02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 106 | 050313250133 | Lê Hồng Minh      | Khuê  | 01/01/2007 | HQ13-MAG03 | X |  | British Council Việt Nam |
| 107 | 050113250429 | Vũ Minh           | Khuê  | 10/06/2007 | HQ13-BAF02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 108 | 050113250426 | Bành Trần Mai     | Khuê  | 20/01/2007 | HQ13-BAF22 | X |  | British Council Việt Nam |
| 109 | 050213250027 | Bành Đức Trung    | Kiên  | 28/02/2007 | HQ13-MIS01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 110 | 050313250135 | Nguyễn Tài Chí    | Kiên  | 15/02/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 111 | 050113250433 | Hà Anh            | Kiệt  | 21/04/2007 | HQ13-BAF12 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 112 | 050313250140 | Phan Ngọc Thiên   | Kim   | 20/10/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 113 | 050113250448 | Mật Mỹ            | Kỳ    | 06/06/2007 | HQ13-BAF11 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 114 | 050113250451 | Đoàn Lê Quỳnh     | Lam   | 26/02/2007 | HQ13-BAF05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 115 | 050113250469 | Nguyễn Việt       | Lâm   | 04/04/2007 | HQ13-BAF03 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 116 | 050113250463 | Võ Phạm Hoàng     | Lan   | 21/11/2007 | HQ13-BAF10 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 117 | 050113250477 | Hoàng Thanh       | Liêm  | 10/06/2007 | HQ13-BAF07 | X |  | British Council Việt Nam |
| 118 | 050713250025 | Nguyễn Thị Hồng   | Liên  | 13/07/2007 | HQ13-EL01  | X |  | British Council Việt Nam |
| 119 | 050213250028 | Nguyễn Thị Thủy   | Linh  | 11/12/2007 | HQ13-MIS01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 120 | 050113250506 | Phạm Phương       | Linh  | 18/04/2007 | HQ13-BAF05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 121 | 050113250485 | Khổng Thị Phương  | Linh  | 27/08/2007 | HQ13-BAF12 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 122 | 050113250516 | Vũ Thị Thuý       | Linh  | 27/06/2007 | HQ13-BAF07 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 123 | 050313250150 | Phạm Hoàng Ngọc   | Linh  | 09/08/2007 | HQ13-MAG04 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 124 | 050313250144 | Hoàng Mỹ          | Linh  | 29/07/2007 | HQ13-MAG07 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 125 | 050113250493 | Nguyễn Hà Trúc    | Linh  | 19/07/2007 | HQ13-BAF03 | X |  | IDP Việt Nam             |

|     |              |                     |      |            |            |   |   |  |                              |
|-----|--------------|---------------------|------|------------|------------|---|---|--|------------------------------|
| 126 | 050113250496 | Nguyễn Lê Thảo      | Linh | 16/01/2007 | HQ13-BAF15 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 127 | 050113250498 | Nguyễn Thị Phương   | Linh | 31/03/2007 | HQ13-BAF15 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 128 | 050113250504 | Phan Thị Khánh      | Linh | 16/08/2007 | HQ13-BAF09 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 129 | 050713250100 | Lê Kim              | Loan | 18/04/2007 | HQ13-EL02  | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 130 | 050513250111 | Hồ Lê Hoàng         | Long | 17/02/2007 | HQ13-ACC05 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 131 | 050113250520 | Nguyễn Phúc Gia     | Long | 28/08/2007 | HQ13-BAF06 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 132 | 150402250028 | Phạm Gia            | Long | 25/09/2007 | HQ13-BBE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 133 | 050113250521 | Phan Đình Bảo       | Long | 06/09/2007 | HQ13-BAF07 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 134 | 050813250019 | Đinh Thảo           | Ly   | 02/06/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 135 | 050813250023 | Phạm Hà             | Ly   | 18/11/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 136 | 050513250116 | Nguyễn Thị Thanh    | Mai  | 11/12/2007 | HQ13-ACC01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 137 | 050813250025 | Huỳnh Thị Xuân      | Mai  | 25/03/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 138 | 050113250544 | Nguyễn Huỳnh Phương | Mai  | 24/04/2007 | HQ13-BAF19 |   | X |  | Cambridge Assessment English |
| 139 | 050113250555 | Nguyễn Gia          | Mẫn  | 20/08/2007 | HQ13-BAF24 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 140 | 050513250118 | Phạm Đức            | Mạnh | 21/11/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 141 | 050213250032 | Đặng Nguyễn Đức     | Minh | 05/08/2007 | HQ13-MIS02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 142 | 050513250121 | Lê                  | Minh | 16/08/2006 | HQ13-ACC04 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 143 | 050813250028 | Nguyễn Nhật         | Minh | 28/05/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 144 | 050113250559 | Châu Nguyệt         | Minh | 30/12/2007 | HQ13-BAF12 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 145 | 050313250160 | Bùi Chu             | Minh | 07/11/2007 | HQ13-MAG03 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 146 | 050313250162 | Huỳnh Đỗ Nhật       | Minh | 16/03/2007 | HQ13-MAG01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 147 | 050313250164 | Trần Lê             | Minh | 16/06/2007 | HQ13-MAG07 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 148 | 050813250030 | Lê Thị Diễm         | My   | 23/11/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 149 | 050813250029 | Hà Nguyễn Trà       | My   | 12/04/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 150 | 050813250033 | Trịnh Nguyễn Hải    | My   | 19/03/2007 | HQ13-INE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 151 | 050713250031 | Huỳnh Thị Thảo      | My   | 28/12/2006 | HQ13-EL02  | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 152 | 050313250168 | Nguyễn Kiều         | My   | 03/10/2007 | HQ13-MAG01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 153 | 050313250170 | Trần Thị Thảo       | My   | 25/05/2007 | HQ13-MAG07 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 154 | 050513250128 | Lư Thị Hoàn         | Mỹ   | 03/09/2007 | HQ13-ACC05 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 155 | 050113250595 | Lê Trần Nhật        | Mỹ   | 26/05/2007 | HQ13-BAF07 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 156 | 050813250034 | Nguyễn Huỳnh Ly     | Na   | 04/09/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 157 | 050313250173 | Nguyễn Hoàng        | Nam  | 07/09/2007 | HQ13-MAG01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 158 | 050213250036 | Vũ Ngọc Thy         | Ngân | 05/07/2007 | HQ13-MIS01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |

|     |              |                    |        |            |            |   |  |                          |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|------------|---|--|--------------------------|
| 159 | 050513250134 | Nguyễn Huỳnh Minh  | Ngân   | 09/09/2007 | HQ13-ACC03 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 160 | 050713250034 | Nguyễn Thị Kim     | Ngân   | 24/01/2007 | HQ13-EL02  | X |  | British Council Việt Nam |
| 161 | 050113250635 | Phạm Hoàng Bảo     | Ngân   | 04/01/2007 | HQ13-BAF09 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 162 | 150402250039 | Vương Thị Kim      | Ngân   | 24/04/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 163 | 050113250619 | Hoàng Nguyễn Bảo   | Ngân   | 11/01/2007 | HQ13-BAF09 | X |  | British Council Việt Nam |
| 164 | 050113250659 | Võ Đỗ Bảo          | Nghi   | 04/06/2007 | HQ13-BAF05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 165 | 050113250651 | Đỗ Gia             | Nghi   | 08/03/2007 | HQ13-BAF01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 166 | 050313250188 | Nguyễn Phương      | Nghi   | 18/07/2007 | HQ13-MAG05 | X |  | British Council Việt Nam |
| 167 | 050113250657 | Phan Nguyễn Phương | Nghi   | 14/09/2007 | HQ13-BAF01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 168 | 150402250043 | Phan Bảo           | Ngọc   | 20/01/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 169 | 050213250040 | Võ Thị Minh        | Ngọc   | 08/04/2007 | HQ13-MIS02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 170 | 050513250141 | Lưu Khánh          | Ngọc   | 09/11/2007 | HQ13-ACC06 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 171 | 050813250036 | Lê Minh Bảo        | Ngọc   | 12/11/2007 | HQ13-INE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 172 | 050113250686 | Nguyễn Khánh       | Ngọc   | 23/11/2007 | HQ13-BAF21 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 173 | 050113250673 | Hồ Minh            | Ngọc   | 10/08/2007 | HQ13-BAF01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 174 | 050113250689 | Nguyễn Minh        | Ngọc   | 05/12/2007 | HQ13-BAF20 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 175 | 050113250666 | Danh Thụy Bảo      | Ngọc   | 29/11/2007 | HQ13-BAF01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 176 | 050113250669 | Đinh Tiểu          | Ngọc   | 31/07/2007 | HQ13-BAF02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 177 | 050113250704 | Vũ Nguyễn Bích     | Ngọc   | 10/10/2007 | HQ13-BAF02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 178 | 150402250042 | Nguyễn Thị Bích    | Ngọc   | 04/10/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 179 | 050113250702 | Võ Như             | Ngọc   | 21/03/2007 | HQ13-BAF17 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 180 | 050113250701 | Trương Hoàng Bảo   | Ngọc   | 17/12/2007 | HQ13-BAF09 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 181 | 050813250041 | Huỳnh Xuân         | Nguyên | 08/11/2007 | HQ13-INE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 182 | 150402250045 | Nguyễn Ngọc Phúc   | Nguyên | 19/12/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 183 | 050313250202 | Nguyễn Ngọc Thảo   | Nguyên | 01/03/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 184 | 050113250716 | Nguyễn Diệu        | Nguyên | 15/11/2007 | HQ13-BAF01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 185 | 150402250046 | Lưu                | Nguyễn | 19/05/2007 | HQ13-BBE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 186 | 050213250044 | Đặng Ngọc Thanh    | Nhi    | 17/07/2007 | HQ13-MIS02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 187 | 050513250153 | Hoàng Yến          | Nhi    | 02/10/2007 | HQ13-ACC01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 188 | 050813250042 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 14/10/2007 | HQ13-INE02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 189 | 050713250042 | Nguyễn Thị Khánh   | Nhi    | 18/02/2007 | HQ13-EL01  | X |  | IDP Việt Nam             |
| 190 | 050113250759 | Nguyễn Mai Quỳnh   | Nhi    | 19/05/2007 | HQ13-BAF06 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 191 | 050113250763 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 09/08/2007 | HQ13-BAF24 | X |  | British Council Việt Nam |

|     |              |                    |        |            |            |   |  |                          |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|------------|---|--|--------------------------|
| 192 | 050113250748 | Lê Quỳnh           | Nhi    | 08/07/2007 | HQ13-BAF14 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 193 | 150402250049 | Nguyễn Thị Tuyết   | Nhi    | 21/07/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 194 | 050313250213 | Nguyễn Thị Yên     | Nhi    | 03/02/2007 | HQ13-MAG05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 195 | 050113250740 | Đào Phương Thảo    | Nhi    | 19/10/2007 | HQ13-BAF19 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 196 | 050113250775 | Võ Ngọc Uyên       | Nhi    | 17/07/2007 | HQ13-BAF03 | X |  | British Council Việt Nam |
| 197 | 050213250047 | Trương Quỳnh       | Như    | 19/05/2007 | HQ13-MIS02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 198 | 050813250043 | Lưu Nguyễn Tâm     | Như    | 27/04/2007 | HQ13-INE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 199 | 050813250044 | Nguyễn Minh Thục   | Như    | 07/11/2007 | HQ13-INE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 200 | 150402250051 | Đoàn Thị Quỳnh     | Như    | 15/07/2007 | HQ13-BBE01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 201 | 050313250229 | Phùng Ngọc Lâm Lâm | Như    | 28/10/2007 | HQ13-MAG05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 202 | 050313250223 | Huỳnh Lê Thanh     | Như    | 14/09/2006 | HQ13-MAG02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 203 | 050113250787 | Đinh Hồ Quỳnh      | Như    | 30/07/2007 | HQ13-BAF23 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 204 | 050113250781 | Đoàn Tuyết         | Nhung  | 10/05/2007 | HQ13-BAF15 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 205 | 050113250805 | Nguyễn Ngọc Hoàng  | Oanh   | 04/01/2007 | HQ13-BAF23 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 206 | 050313250233 | Lê Thịnh           | Phát   | 12/06/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 207 | 050313250234 | Nguyễn Hữu Trường  | Phát   | 08/05/2007 | HQ13-MAG08 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 208 | 050113250812 | Nguyễn Hoàng Minh  | Phát   | 01/03/2007 | HQ13-BAF22 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 209 | 050113250809 | Chu Quốc           | Phát   | 29/01/2007 | HQ13-BAF22 | X |  | British Council Việt Nam |
| 210 | 050813250048 | Trần Lê Xuân       | Phúc   | 28/12/2007 | HQ13-INE02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 211 | 050113250829 | Huỳnh Ngọc Gia     | Phúc   | 11/10/2007 | HQ13-BAF13 | X |  | British Council Việt Nam |
| 212 | 050113250834 | Phạm Hoàng         | Phúc   | 20/01/2007 | HQ13-BAF05 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 213 | 050813250051 | Võ Nguyễn Linh     | Phương | 21/11/2007 | HQ13-INE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 214 | 050713250045 | Nguyễn Minh        | Phương | 02/11/2007 | HQ13-EL02  | X |  | IDP Việt Nam             |
| 215 | 050113250853 | Trần Ngọc Mai      | Phương | 29/12/2007 | HQ13-BAF14 | X |  | British Council Việt Nam |
| 216 | 050113250852 | Trần Ngọc Anh      | Phương | 17/03/2007 | HQ13-BAF16 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 217 | 150402250055 | Lê Duy             | Phương | 19/11/2007 | HQ13-BBE02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 218 | 150402250056 | Lê Hà              | Phương | 02/08/2007 | HQ13-BBE02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 219 | 050313250245 | Phạm Thị Mỹ        | Phương | 22/12/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | British Council Việt Nam |
| 220 | 050313250243 | Lý Thái An         | Phương | 26/04/2007 | HQ13-MAG01 | X |  | British Council Việt Nam |
| 221 | 050313250248 | Trương Khánh       | Phương | 17/09/2007 | HQ13-MAG02 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 222 | 050713250046 | Đỗ Nguyễn Thế      | Quân   | 24/03/2007 | HQ13-EL02  | X |  | IDP Việt Nam             |
| 223 | 050113250866 | Nguyễn Đình Anh    | Quân   | 11/11/2007 | HQ13-BAF09 | X |  | IDP Việt Nam             |
| 224 | 050113250865 | Lê Hoàng           | Quân   | 06/12/2007 | HQ13-BAF04 | X |  | IDP Việt Nam             |

|     |              |                    |       |            |            |   |   |  |                              |
|-----|--------------|--------------------|-------|------------|------------|---|---|--|------------------------------|
| 225 | 050113250860 | Đặng Nguyễn Nguyên | Quang | 10/08/2007 | HQ13-BAF18 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 226 | 050313250252 | Nguyễn Anh         | Quốc  | 25/11/2007 | HQ13-MAG01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 227 | 050113250873 | Trần Thị Ngọc      | Quý   | 25/08/2007 | HQ13-BAF20 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 228 | 050813250053 | Hoàng Thị Ngọc     | Quyên | 23/05/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 229 | 050113250879 | Nguyễn Tuyết       | Quyên | 04/01/2007 | HQ13-BAF05 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 230 | 050113250881 | Trần Ngọc Mỹ       | Quyên | 07/01/2007 | HQ13-BAF03 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 231 | 050513250193 | Phạm Nhật          | Quỳnh | 28/04/2007 | HQ13-ACC01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 232 | 050813250055 | Trần Thị Phương    | Quỳnh | 25/04/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 233 | 150402250059 | Trần Diễm          | Quỳnh | 14/06/2007 | HQ13-BBE01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 234 | 150402250060 | Trương Lê Gia      | Quỳnh | 21/09/2007 | HQ13-BBE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 235 | 050113250896 | Nguyễn Ngọc        | Quỳnh | 29/07/2007 | HQ13-BAF15 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 236 | 050113250915 | Trần Đức           | Tài   | 14/12/2007 | HQ13-BAF22 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 237 | 050513250198 | Nguyễn Lê Phương   | Tâm   | 14/02/2007 | HQ13-ACC04 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 238 | 050113250922 | Tất Thái Thanh     | Tâm   | 12/02/2007 | HQ13-BAF05 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 239 | 050313250263 | Trần Ngọc Bảo      | Tâm   | 12/01/2007 | HQ13-MAG06 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 240 | 050513250200 | Đinh Phạm Minh     | Tân   | 23/02/2007 | HQ13-ACC06 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 241 | 050113250925 | Nguyễn Minh Quốc   | Thái  | 19/02/2007 | HQ13-BAF15 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 242 | 050213250061 | Trần Quốc          | Thắng | 13/09/2006 | HQ13-MIS02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 243 | 150402250061 | Trần Thị Phương    | Thanh | 16/05/2007 | HQ13-BBE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 244 | 050313250266 | Lương Hà           | Thanh | 04/11/2007 | HQ13-MAG05 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 245 | 050313250268 | Nguyễn Tiến        | Thành | 06/09/2007 | HQ13-MAG07 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 246 | 050113250945 | Nguyễn Lê Phương   | Thảo  | 31/10/2007 | HQ13-BAF03 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 247 | 150402250063 | Diệp Nguyễn Phương | Thảo  | 20/03/2007 | HQ13-BBE01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 248 | 050313250273 | Trần Thị Vân       | Thảo  | 04/01/2007 | HQ13-MAG06 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 249 | 050313250272 | Nguyễn Thanh       | Thảo  | 22/12/2007 | HQ13-MAG07 |   | X |  | Cambridge Assessment English |
| 250 | 050713250104 | Võ Huỳnh Nhật      | Thảo  | 15/08/2007 | HQ13-MAG07 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 251 | 050113250936 | Hồ Ngọc Phương     | Thảo  | 30/03/2007 | HQ13-BAF14 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 252 | 050813250056 | Lương Bảo          | Thi   | 28/08/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 253 | 150402250064 | Nguyễn Thị Anh     | Thi   | 03/11/2007 | HQ13-BBE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 254 | 050113250963 | Đào Tấn            | Thiên | 19/02/2007 | HQ13-BAF06 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 255 | 050513250210 | Lê Ngọc            | Thiện | 02/01/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 256 | 050313250280 | Nguyễn Hoàng       | Thông | 10/03/2007 | HQ13-MAG03 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 257 | 050113250979 | Phạm Thị Tuyết     | Thu   | 11/01/2007 | HQ13-BAF18 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |

|     |              |                    |        |            |            |   |   |  |                              |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|------------|---|---|--|------------------------------|
| 258 | 050513250222 | Lê Minh            | Thư    | 03/04/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 259 | 050713250054 | Nguyễn Hoàng Anh   | Thư    | 28/06/2007 | HQ13-EL02  | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 260 | 050113251022 | Nguyễn Mộng Anh    | Thư    | 14/06/2007 | HQ13-BAF07 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 261 | 050113251011 | Lê Vũ Anh          | Thư    | 25/11/2006 | HQ13-BAF04 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 262 | 050113251035 | Trịnh Lê Anh       | Thư    | 10/12/2007 | HQ13-BAF21 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 263 | 050313250287 | Châu Hồng Anh      | Thư    | 28/03/2007 | HQ13-MAG04 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 264 | 050313250300 | Võ Nguyễn Anh      | Thư    | 15/12/2007 | HQ13-MAG02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 265 | 050113251029 | Phạm Bảo Đan       | Thư    | 31/05/2007 | HQ13-BAF16 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 266 | 050213250062 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Thuận  | 22/12/2007 | HQ13-MIS02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 267 | 050813250064 | Nguyễn Thành Trọng | Thức   | 24/06/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 268 | 050113251042 | Nguyễn Thanh Hoài  | Thương | 26/01/2007 | HQ13-BAF20 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 269 | 050113251038 | Dương Hoài         | Thương | 07/05/2007 | HQ13-BAF03 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 270 | 150402250068 | Nguyễn Thị Kim     | Thương | 07/07/2007 | HQ13-BBE02 |   | X |  | Cambridge Assessment English |
| 271 | 050513250215 | Đỗ Thị Phương      | Thùy   | 14/09/2007 | HQ13-ACC05 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 272 | 050113250987 | Trần Nguyễn Phương | Thùy   | 20/11/2007 | HQ13-BAF03 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 273 | 050113250988 | Trần Vương Ngọc    | Thùy   | 09/02/2007 | HQ13-BAF21 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 274 | 050813250058 | Lê Đoàn Phương     | Thùy   | 15/05/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 275 | 050513250217 | Nguyễn Quang       | Thụy   | 11/04/2007 | HQ13-ACC03 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 276 | 050213250064 | Hồ Khánh           | Thy    | 24/10/2007 | HQ13-MIS02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 277 | 050513250230 | Phạm Trần Mai      | Thy    | 25/11/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 278 | 050313250304 | Nguyễn Hà Bảo      | Thy    | 20/05/2007 | HQ13-MAG08 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 279 | 050113251050 | Phạm Phương        | Thy    | 06/09/2007 | HQ13-BAF12 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 280 | 050113251048 | Liêu Phạm Anh      | Thy    | 02/09/2007 | HQ13-BAF02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 281 | 050113251061 | Trịnh Thủy         | Tiên   | 30/04/2007 | HQ13-BAF13 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 282 | 050313250312 | Trần Ngọc Thủy     | Tiên   | 12/07/2007 | HQ13-MAG01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 283 | 050513250232 | Võ Anh             | Tiến   | 16/11/2007 | HQ13-ACC06 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 284 | 050513250231 | Trần Ngọc          | Tiền   | 07/02/2007 | HQ13-ACC04 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 285 | 050213250067 | Bùi Thanh          | Toàn   | 16/01/2007 | HQ13-MIS01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 286 | 050313250324 | Huỳnh Mai          | Trâm   | 20/07/2007 | HQ13-MAG03 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 287 | 050113251117 | Trần Tú            | Trâm   | 21/03/2007 | HQ13-BAF13 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 288 | 050513250246 | Nguyễn Thái Bảo    | Trâm   | 12/05/2007 | HQ13-ACC03 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 289 | 050113251100 | Hà Nguyễn Huyền    | Trâm   | 25/10/2007 | HQ13-BAF10 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 290 | 050113251104 | Nguyễn Bảo         | Trâm   | 04/04/2007 | HQ13-BAF01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |

|     |              |                      |        |            |            |   |   |  |                              |
|-----|--------------|----------------------|--------|------------|------------|---|---|--|------------------------------|
| 291 | 150402250072 | Mai Đặng Thùy        | Trâm   | 23/01/2007 | HQ13-BBE01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 292 | 050313250338 | Trần Nguyễn Bảo      | Trân   | 12/12/2007 | HQ13-MAG06 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 293 | 050513250248 | Nguyễn Bảo           | Trân   | 04/05/2007 | HQ13-ACC03 |   | X |  | Cambridge Assessment English |
| 294 | 050513250247 | Huỳnh Ngọc           | Trân   | 06/09/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 295 | 050813250067 | Huỳnh Bạch Thái Trân | Trân   | 17/09/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 296 | 050713250062 | Đoàn Ngọc Bảo        | Trân   | 07/12/2007 | HQ13-EL02  | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 297 | 050113251123 | Đồng Bảo             | Trân   | 10/11/2007 | HQ13-BAF04 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 298 | 050513250235 | Bùi Thị Minh         | Trang  | 29/06/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 299 | 050713250061 | Võ Mai Kiều          | Trang  | 02/03/2007 | HQ13-EL02  | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 300 | 050113251075 | Đào Nhật Thảo        | Trang  | 19/08/2007 | HQ13-BAF02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 301 | 050113251099 | Trần Thị Phương      | Trang  | 25/11/2007 | HQ13-BAF19 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 302 | 050113251076 | Đoàn Phạm Thảo       | Trang  | 13/07/2007 | HQ13-BAF20 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 303 | 050213250073 | Nguyễn Vũ Phương     | Trinh  | 14/04/2007 | HQ13-MIS02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 304 | 050213250074 | Phạm Thị Phương      | Trinh  | 20/06/2007 | HQ13-MIS01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 305 | 050113251150 | Nguyễn Thị Minh      | Trinh  | 22/11/2007 | HQ13-BAF11 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 306 | 050313250344 | Nguyễn Gia           | Trinh  | 06/01/2007 | HQ13-MAG06 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 307 | 050513250255 | Nguyễn Thủy          | Trúc   | 22/05/2007 | HQ13-ACC03 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 308 | 050113251158 | Nguyễn Ngọc Thuý     | Trúc   | 12/08/2007 | HQ13-BAF04 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 309 | 050813250069 | Võ Chí               | Trung  | 04/02/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 310 | 050813250079 | Nguyễn Vương         | Trường | 06/11/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 311 | 150402250075 | Phan Anh             | Tú     | 15/04/2007 | HQ13-BBE01 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 312 | 050113251169 | Lê Thụy Hồng         | Tú     | 13/07/2007 | HQ13-BAF05 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 313 | 050813250072 | Lê Cao               | Tuệ    | 15/10/2007 | HQ13-INE02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 314 | 050113251199 | Nguyễn Ngọc Cát      | Tường  | 03/09/2007 | HQ13-BAF23 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 315 | 050313250366 | Trần Nguyên Cát      | Tường  | 10/11/2007 | HQ13-MAG03 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 316 | 050513250268 | Thân Ngọc Phương     | Uyên   | 15/09/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 317 | 150402250076 | Huỳnh Ngọc Khánh     | Uyên   | 14/12/2007 | HQ13-BBE02 | X |   |  | British Council Việt Nam     |
| 318 | 050313250375 | Trần Bích            | Vân    | 28/07/2007 | HQ13-MAG02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 319 | 050513250275 | Nguyễn Thảo          | Vi     | 17/08/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 320 | 050513250276 | Lê Đại               | Việt   | 10/02/2007 | HQ13-ACC02 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 321 | 050113251230 | Nguyễn Minh          | Việt   | 03/07/2007 | HQ13-BAF18 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 322 | 050113251233 | Trương Đức           | Vinh   | 06/02/2007 | HQ13-BAF14 | X |   |  | IDP Việt Nam                 |
| 323 | 050213250080 | Nguyễn Hoài Hà       | Vy     | 30/04/2007 | HQ13-MIS01 | X |   |  | British Council Việt Nam     |

|     |              |                   |     |            |            |   |  |  |                          |
|-----|--------------|-------------------|-----|------------|------------|---|--|--|--------------------------|
| 324 | 050813250075 | Châu Hải          | Vy  | 27/11/2007 | HQ13-INE02 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 325 | 050713250071 | Dương Tường       | Vy  | 06/10/2007 | HQ13-EL01  | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 326 | 050713250079 | Vũ Ngọc Thảo      | Vy  | 10/11/2007 | HQ13-EL02  | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 327 | 050113251251 | Lê Yên            | Vy  | 11/05/2007 | HQ13-BAF04 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 328 | 050113251260 | Nguyễn Ngọc Thảo  | Vy  | 29/09/2007 | HQ13-BAF05 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 329 | 050113251241 | Đinh Ngọc         | Vy  | 05/08/2007 | HQ13-BAF11 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 330 | 150402250080 | Phạm Châu Tường   | Vy  | 12/10/2007 | HQ13-BBE02 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 331 | 050313250384 | Nguyễn Huỳnh Thúy | Vy  | 11/01/2007 | HQ13-MAG08 | X |  |  | British Council Việt Nam |
| 332 | 050313250390 | Nguyễn Uyên       | Vy  | 20/05/2007 | HQ13-MAG02 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 333 | 050313250399 | Phạm Thị Như      | Ý   | 05/02/2007 | HQ13-MAG07 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 334 | 050313250400 | Trịnh Như         | Ý   | 13/06/2007 | HQ13-MAG03 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 335 | 050313250401 | Huỳnh Ngô Phương  | Yên | 10/01/2007 | HQ13-MAG02 | X |  |  | IDP Việt Nam             |
| 336 | 050113251301 | Nguyễn Hải        | Yên | 15/04/2007 | HQ13-BAF04 | X |  |  | British Council Việt Nam |

*Total: 336 students./.*